

BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI TRÍ TUỆ NHÂN TẠO: DƯỚI GÓC NHÌN CỦA ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG Á ĐÔNG

VƯƠNG THANH THÚY
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 12/5/2026. Sửa chữa xong 20/6/2026. Duyệt đăng 30/6/2026.

Abstract

The fast-paced development of artificial intelligence (AI) not only poses challenges to intellectual property (IP) law in terms of legislation but also profoundly impacts traditional ethical values. This is particularly evident in East Asian countries, where moral standards have been shaped and cultivated over centuries upon the foundations of major philosophies such as Confucianism, Taoism, and Buddhism. Through an analysis of the characteristics of East Asian ethics and the implications of IP protection for AI, this article proposes legal orientations aimed at ensuring a balance: fostering scientific and technological innovation while firmly safeguarding the humanistic values and core ethical foundations of society.

Keywords: artificial intelligence (AI); intellectual property rights; traditional East Asian ethics; legal policy.

1. Đặt vấn đề

Trong lĩnh vực sở hữu tuệ (SHTT), AI đang tạo ra những thách thức chưa từng có đối với các nguyên lý truyền thống của pháp luật. Trong nhiều năm gần đây, vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với AI và các đối tượng do AI tạo ra đã trở thành một trong những chủ đề được quan tâm đặc biệt trong các diễn đàn học thuật và hoạch định chính sách trên thế giới. Tuy nhiên, những tranh luận hiện nay chủ yếu tập trung vào khía cạnh kỹ thuật pháp lý hoặc lợi ích kinh tế của việc bảo hộ AI, trong khi các tác động đối với nền tảng văn hóa và đạo đức của xã hội lại chưa được nghiên cứu tương xứng. Đối với các quốc gia Á Đông, nơi các chuẩn mực đạo đức truyền thống có ảnh hưởng sâu sắc đến nhận thức, hành vi và phương thức tổ chức đời sống xã hội, việc xây dựng chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với AI cần được xem xét trong mối quan hệ với các giá trị văn hóa đã được hình thành và bồi đắp qua nhiều thế hệ. Theo đó, câu hỏi đặt ra không chỉ là AI có nên được bảo hộ hay không, mà còn là việc bảo hộ đó sẽ tác động như thế nào đến hệ giá trị đạo đức truyền thống của xã hội và đâu là giới hạn cần thiết để bảo đảm sự cân bằng giữa đổi mới sáng tạo với bảo vệ các giá trị nhân văn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về đạo đức truyền thống Á Đông

2.1.1. Nền tảng chung

Khái niệm “Á Đông” thường được sử dụng để chỉ khu vực Đông Á và một phần Đông Nam Á - nơi tồn tại nhiều nền văn minh lâu đời có sự giao thoa sâu sắc về lịch sử, văn hóa và tư tưởng. Mặc dù mỗi quốc gia trong khu vực có quá trình phát triển riêng cùng những đặc điểm về dân tộc, ngôn ngữ và thể chế khác nhau, song đều chịu ảnh hưởng ở những mức độ nhất định của các hệ tư tưởng lớn hình thành từ rất sớm như Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo. Trải qua hàng nghìn năm phát triển, các hệ tư tưởng này không chỉ chi phối đời sống tinh thần mà còn từng bước hình thành những chuẩn mực ứng xử, những quan niệm về con người và xã hội, tạo nên nền tảng đạo đức đặc trưng của khu vực Á Đông (Mai Ngọc Chừ, 2010).

Trước hết, Khổng giáo đặt con người vào mạng lưới các quan hệ xã hội và xác định việc tu dưỡng

đạo đức là nền tảng để xây dựng gia đình, quản lý quốc gia và hướng tới trật tự xã hội ổn định. Hệ thống tư tưởng này nhấn mạnh các giá trị như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín; đồng thời đề cao các mối quan hệ luân lý giữa cá nhân với gia đình và cộng đồng (Bùi Nguyễn Hân, 2022).

Trong khi đó, Lão giáo tiếp cận đời sống từ một góc nhìn khác khi đề cao sự thuận theo tự nhiên, hạn chế can thiệp cưỡng ép vào quy luật vận động vốn có của vạn vật. Theo quan điểm của Lão giáo, sự phát triển bền vững của con người không xuất phát từ việc không ngừng chinh phục hay cải biến thế giới mà từ khả năng duy trì trạng thái cân bằng giữa con người với tự nhiên, từ đó đề cao các giá trị như giản dị, khiêm nhường, tiết chế ham muốn và tôn trọng quy luật tự nhiên (Thu Giang Nguyễn Duy Cần, 2019).

Còn theo quan điểm Phật giáo, mục tiêu của đời sống không chỉ là đạt được thành công về vật chất mà còn là sự phát triển về nhân cách và sự giải thoát khỏi những ràng buộc của dục vọng. Vì vậy, nhiều giá trị như lòng nhân ái, tinh thần bao dung, sự cảm thông và ý thức hạn chế gây tổn hại cho người khác đã trở thành những chuẩn mực đạo đức có sức lan tỏa rộng rãi trong xã hội Á Đông (Damien Keown, 2025).

Mặc dù mức độ ảnh hưởng của từng hệ tư tưởng có sự khác nhau giữa các quốc gia và từng giai đoạn lịch sử, nhưng trên bình diện tổng thể, sự giao thoa của Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo đã hình thành nên một hệ giá trị chung mang bản sắc Á Đông. Chính hệ giá trị này tạo nên cách thức nhìn nhận con người, xác định chuẩn mực đạo đức và lựa chọn phương thức ứng xử của xã hội đối với những hiện tượng mới phát sinh. Vì vậy, khi xem xét các vấn đề pháp lý do AI đặt ra, đặc biệt là việc xây dựng cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, không thể tách rời khỏi nền tảng văn hóa và đạo đức vốn đã định hình nhận thức xã hội trong khu vực.

2.1.2. Những giá trị đạo đức truyền thống Á Đông

Mặc dù chịu ảnh hưởng đồng thời của nhiều hệ tư tưởng và trải qua quá trình phát triển lâu dài trong những bối cảnh lịch sử khác nhau, đạo đức truyền thống Á Đông vẫn hình thành một hệ giá trị tương đối thống nhất, phản ánh quan niệm về con người, xã hội và mối quan hệ giữa con người với thế giới xung quanh. Hệ giá trị này không chỉ được ghi nhận trong các tác phẩm triết học mà còn được truyền tải thông qua gia đình, giáo dục, phong tục tập quán và đời sống cộng đồng, từ đó trở thành những chuẩn mực chi phối nhận thức cũng như hành vi của nhiều thế hệ.

a. Gia đình được xem là nền tảng của đời sống xã hội

Truyền thống Á Đông nhìn nhận gia đình là đơn vị cơ bản cấu thành xã hội và là môi trường đầu tiên hình thành nhân cách của mỗi con người. Trong gia đình, các chuẩn mực đạo đức không được truyền đạt chủ yếu bằng những quy định mang tính cưỡng chế mà thông qua sự giáo dục, nêu gương và quá trình tương tác giữa các thế hệ. Từ góc nhìn của triết học Á Đông, một xã hội ổn định trước hết phải được xây dựng trên nền tảng những gia đình ổn định. Quan niệm “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” của Khổng giáo phản ánh rõ tư tưởng đó khi xem việc tu dưỡng đạo đức của mỗi cá nhân và xây dựng gia đình là tiền đề để hình thành trật tự xã hội và quốc gia. Vì vậy, gia đình không đơn thuần là một thiết chế xã hội mà còn là không gian bảo tồn các giá trị văn hóa, đạo đức và bản sắc của dân tộc.

b. Tôn sư trọng đạo là giá trị đặc trưng của nền văn hóa giáo dục Á Đông

Trong truyền thống Á Đông, sự tôn kính đối với người thầy không chỉ xuất phát từ quan hệ truyền thụ tri thức mà còn từ vai trò của người thầy trong việc hình thành nhân cách và định hướng đạo đức cho người học. Người thầy được coi là người dẫn dắt con người trên con đường nhận thức, đồng thời là tấm gương về cách ứng xử và đạo lý làm người. Điều đáng chú ý là khái niệm “đạo” trong tư tưởng Á Đông mang nội hàm rộng hơn nhiều so với tri thức chuyên môn. “Đạo” bao hàm lẽ sống, chuẩn mực ứng xử và con đường hoàn thiện nhân cách của con người. Chính vì vậy, truyền thống tôn sư trọng đạo không chỉ nhằm khẳng định vị trí xã hội của người thầy mà còn thể hiện sự coi trọng quá trình giáo dục con người theo nghĩa toàn diện.

c. Nhân nghĩa là chuẩn mực đạo đức cốt lõi trong cách ứng xử giữa con người với con người

Một trong những đặc điểm nổi bật của đạo đức truyền thống Á Đông là coi trọng tình người, lòng vị tha và trách nhiệm đối với cộng đồng. Trong nhiều trường hợp, lợi ích vật chất không được xem là

tiêu chí duy nhất để đánh giá hành vi; thay vào đó, các chuẩn mực như nhân, nghĩa, tín, trung, hiếu hay sự bao dung thường được đặt ở vị trí ưu tiên. Chính vì vậy, việc lựa chọn hành vi trong xã hội Á Đông nhiều khi không chỉ dựa trên tính toán lợi ích mà còn chịu sự chi phối của các giá trị đạo đức và nghĩa vụ đối với gia đình, cộng đồng cũng như xã hội.

d. Sự hài hòa với tự nhiên là một trong những nền tảng của tư tưởng phương Đông

Do chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền văn minh nông nghiệp, con người Á Đông từ rất sớm đã hình thành nhận thức về sự phụ thuộc lẫn nhau giữa con người và môi trường tự nhiên, coi con người là một bộ phận của tự nhiên và đề cao việc sống thuận theo quy luật vận động của vũ trụ. Quan điểm này không đồng nghĩa với việc phủ nhận vai trò của khoa học hay tiến bộ kỹ thuật mà nhấn mạnh yêu cầu phát triển phải bảo đảm sự cân bằng giữa con người, xã hội và môi trường. Chính vì vậy, sự hài hòa với tự nhiên không chỉ là một quan niệm triết học mà còn trở thành một giá trị đạo đức có ảnh hưởng sâu sắc đến phương thức ứng xử của nhiều quốc gia Á Đông.

e. Coi trọng và gìn giữ các giá trị truyền thống

Một đặc điểm nổi bật khác của văn hóa Á Đông là sự trân trọng đối với những giá trị được hình thành qua lịch sử. Trong quá trình tiếp nhận những yếu tố mới, xã hội Á Đông thường có xu hướng đánh giá mức độ phù hợp của các yếu tố đó với nền tảng văn hóa hiện có trước khi chấp nhận hoặc điều chỉnh để thích ứng. Tất nhiên, việc coi trọng truyền thống không đồng nghĩa với bảo thủ hay phủ nhận đổi mới. Ngược lại, quá trình phát triển của nhiều quốc gia Á Đông cho thấy các giá trị truyền thống luôn được điều chỉnh và thích nghi với bối cảnh mới. Tuy nhiên, sự thích nghi đó diễn ra trên cơ sở bảo tồn những nguyên tắc cốt lõi đã được kiểm chứng qua thời gian.

2.2. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với AI và sự tác động tới các giá trị đạo đức truyền thống

Nếu như trước đây, hầu hết các đối tượng của quyền SHTT đều được hình thành trên cơ sở hoạt động sáng tạo của cá nhân hoặc tổ chức do con người kiểm soát trực tiếp, thì sự phát triển nhanh chóng của AI với khả năng tự học, tự phân tích và tạo lập các kết quả mới đã làm cho ranh giới giữa “công cụ hỗ trợ sáng tạo” và “chủ thể tham gia sáng tạo” trở nên ngày càng khó xác định (WIPO, 2020).

Cho đến nay, quan điểm chủ đạo của phần lớn các quốc gia vẫn là không thừa nhận AI với tư cách là chủ thể của quyền SHTT. AI được nhìn nhận là sản phẩm của công nghệ và là công cụ do con người tạo ra nhằm hỗ trợ hoạt động sáng tạo, chứ chưa phải là một chủ thể độc lập có năng lực pháp lý để trở thành tác giả, chủ sở hữu sáng chế hoặc chủ thể của các quyền dân sự khác.

Tuy nhiên, trên thực tế, khi AI tham gia ngày càng sâu vào quá trình hình thành các sản phẩm trí tuệ, việc xác định ai là chủ thể có quyền đối với các kết quả đó vẫn là vấn đề còn nhiều tranh luận. Trong nhiều trường hợp, sản phẩm cuối cùng được tạo lập trên cơ sở sự kết hợp giữa dữ liệu đầu vào do con người cung cấp, thuật toán được xây dựng bởi nhà phát triển và quá trình xử lý, học hỏi của hệ thống AI. Mức độ đóng góp của từng chủ thể không hoàn toàn giống nhau, dẫn đến việc áp dụng các nguyên tắc truyền thống của pháp luật SHTT trở nên phức tạp hơn đáng kể (WIPO, 2020).

Bên cạnh đó, AI còn đặt ra những câu hỏi mới liên quan đến điều kiện bảo hộ và mục tiêu của hệ thống SHTT. Về bản chất, pháp luật SHTT được xây dựng nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo của con người thông qua việc trao cho chủ thể sáng tạo một khoảng thời gian độc quyền khai thác thành quả lao động trí tuệ của mình. Tuy nhiên, nếu khả năng sáng tạo của AI tiếp tục phát triển với tốc độ vượt trội so với con người thì việc mở rộng phạm vi bảo hộ đối với các sản phẩm do AI tạo ra có thể làm thay đổi đáng kể sự cân bằng vốn có giữa mục tiêu khuyến khích đổi mới sáng tạo và lợi ích chung của xã hội. Đây là một trong những nguyên nhân khiến nhiều quốc gia lựa chọn cách tiếp cận thận trọng đối với việc xây dựng chính sách bảo hộ AI.

Ở góc độ khác, các tranh luận hiện nay chủ yếu được tiến hành trên phương diện kỹ thuật lập pháp hoặc hiệu quả kinh tế của hệ thống SHTT mà chưa phản ánh đầy đủ những tác động xã hội mà AI có thể tạo ra sau khi được pháp luật bảo hộ. Trong khi đó, đối với nhiều quốc gia Á Đông, pháp luật không

chỉ là công cụ điều chỉnh các quan hệ xã hội mà còn có mối liên hệ chặt chẽ với các giá trị văn hóa và đạo đức truyền thống. Nói cách khác, câu hỏi đặt ra không chỉ là có nên bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với AI hay không, mà còn là bảo hộ đến đâu, theo phương thức nào và với những giới hạn nào để sự phát triển của công nghệ vẫn phục vụ con người, thay vì từng bước làm suy giảm các giá trị nhân văn vốn tạo nên nền tảng của xã hội.

2.3. Tác động của bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với AI tới các giá trị đạo đức truyền thống

Trên thực tế, mọi chính sách pháp luật đều tạo ra những tác động nhất định đối với đời sống xã hội. Đối với AI, mức độ ảnh hưởng này càng sâu rộng hơn bởi đây là công nghệ có khả năng tham gia trực tiếp vào nhiều hoạt động vốn trước đây chỉ do con người đảm nhiệm. Chính vì vậy, bên cạnh việc đánh giá các lợi ích kinh tế và khoa học - công nghệ mà AI mang lại, cần đồng thời xem xét những tác động của việc bảo hộ AI đối với các giá trị đạo đức truyền thống, đặc biệt trong bối cảnh các quốc gia Á Đông coi đạo đức là một trong những nền tảng của sự ổn định xã hội.

2.3.1. Tác động đối với giá trị của gia đình

Trong bối cảnh AI ngày càng được ứng dụng rộng rãi vào nhiều lĩnh vực của đời sống, từ chăm sóc sức khỏe, giáo dục, giải trí đến hỗ trợ sinh hoạt hằng ngày, nhiều chức năng vốn trước đây chỉ được thực hiện thông qua sự tương tác giữa các thành viên trong gia đình đang dần có thể được thay thế hoặc hỗ trợ bởi công nghệ. Xét trên phương diện hiệu quả, điều này giúp giảm bớt gánh nặng lao động và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Từ góc nhìn triết học Á Đông, gia đình không chỉ là nơi con người cùng sinh sống mà còn là điểm khởi đầu của quá trình tu dưỡng đạo đức. Tư tưởng “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” của Khổng giáo đã phản ánh mối liên hệ hữu cơ giữa việc hoàn thiện bản thân, xây dựng gia đình và phát triển xã hội. Vì vậy, nếu sự phát triển của AI vô tình làm suy giảm vai trò giáo dục đạo đức của gia đình thì những ảnh hưởng đó không chỉ dừng lại ở phạm vi từng cá nhân mà còn có thể tác động đến nền tảng văn hóa của toàn xã hội.

2.3.2. Tác động đối với giá trị tôn sư trọng đạo

Trong truyền thống Á Đông, người thầy không chỉ là chủ thể truyền đạt kiến thức mà còn là người hướng dẫn phương pháp tư duy, rèn luyện nhân cách và định hướng giá trị sống cho người học.

Từ góc độ chính sách pháp luật, điều này đặt ra yêu cầu khi xây dựng cơ chế bảo hộ và khuyến khích phát triển AI trong lĩnh vực giáo dục cần đồng thời bảo đảm nguyên tắc AI chỉ đóng vai trò hỗ trợ hoạt động dạy và học, thay vì thay thế mối quan hệ giáo dục giữa người với người. Nói cách khác, điều này đặt ra yêu cầu xây dựng cơ chế sử dụng AI theo hướng hài hòa giữa đổi mới công nghệ với việc duy trì vai trò trung tâm của người thầy trong quá trình giáo dục con người. AI nên được phát triển như một công cụ nâng cao chất lượng giáo dục, chứ không phải là chủ thể thay thế quá trình giáo dục vốn gắn liền với việc hình thành nhân cách và các giá trị đạo đức của con người.

2.3.3. Tác động đối với giá trị nhân nghĩa

Trong hệ giá trị đạo đức truyền thống Á Đông, nhân nghĩa không chỉ là một chuẩn mực ứng xử mà còn là nền tảng để đánh giá phẩm chất của con người. Nhân nghĩa không chỉ được biểu hiện thông qua hành động mà còn là kết quả của quá trình tu dưỡng nội tâm, tích lũy kinh nghiệm sống và sự trưởng thành về nhân cách. Dưới góc nhìn của pháp luật SHTT, việc bảo hộ AI nhằm khuyến khích nghiên cứu và đổi mới sáng tạo là cần thiết. Tuy nhiên, một chính sách bảo hộ hợp lý cần đặt AI đúng với vị trí của một công cụ hỗ trợ, mọi đánh giá và lựa chọn vẫn cần phải được thực hiện bởi chính con người để bảo toàn các giá trị đạo đức, đặc biệt là nhân nghĩa. Đây cũng là yêu cầu để bảo đảm sự phát triển của công nghệ luôn gắn với mục tiêu phát triển con người, thay vì khiến con người dần phụ thuộc vào công nghệ trong những lĩnh vực vốn thuộc về bản chất nhân văn.

2.3.4. Tác động đối với quan niệm hòa hợp với tự nhiên

Một trong những đặc trưng nổi bật của triết học Á Đông là quan niệm coi con người và tự nhiên là một chỉnh thể thống nhất, nhấn mạnh yêu cầu con người phải sống thuận theo quy luật của tự nhiên,

tôn trọng sự cân bằng vốn có của vũ trụ và duy trì mối quan hệ hài hòa với môi trường sống. Quan niệm này không chỉ phản ánh nhận thức triết học mà còn trở thành một chuẩn mực đạo đức, chi phối cách thức con người ứng xử với thiên nhiên cũng như với chính bản thân mình.

Ở khía cạnh này, chính sách bảo hộ quyền SHTT đối với AI cần được đặt trong định hướng phát triển bền vững, bảo đảm rằng động lực đổi mới sáng tạo luôn song hành với trách nhiệm xã hội và duy trì sự cân bằng giữa tiến bộ công nghệ với các giá trị nền tảng của xã hội.

2.3.5. Tác động đối với việc gìn giữ các giá trị truyền thống

Một trong những đặc điểm nổi bật của các quốc gia Á Đông là sự coi trọng tính kế thừa trong quá trình phát triển. Những giá trị được hình thành từ lịch sử không chỉ được nhìn nhận như di sản văn hóa mà còn là cơ sở định hướng cho sự phát triển của xã hội trong hiện tại và tương lai.

Có thể thấy rằng, xét dưới góc nhìn của đạo đức truyền thống Á Đông, vấn đề không nằm ở việc AI có nên được phát triển hay không, mà nằm ở việc con người lựa chọn cách thức phát triển AI như thế nào. Công nghệ luôn là kết quả của trí tuệ con người và cần phục vụ sự phát triển của con người. Do đó, việc bảo hộ quyền SHTT đối với AI chỉ thực sự có ý nghĩa khi được đặt trong mối quan hệ hài hòa với các giá trị văn hóa, đạo đức và nhân văn vốn là nền tảng của xã hội.

2.4. Một số định hướng trong bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với AI dưới góc nhìn của đạo đức truyền thống Á Đông

Những phân tích ở trên cho thấy, AI không chỉ tác động đến hoạt động sáng tạo mà còn có khả năng ảnh hưởng đến các giá trị văn hóa và đạo đức của xã hội. Chính vì vậy, việc xây dựng chính sách bảo hộ AI cần được đặt trong một cách tiếp cận tổng thể, cân bằng giữa mục tiêu phát triển công nghệ với yêu cầu bảo vệ con người.

2.4.1. Việc xây dựng cơ chế bảo hộ quyền SHTT đối với AI cần được đặt trong tổng thể chính sách quản trị AI của quốc gia, thay vì chỉ tiếp cận từ góc độ pháp luật SHTT. Bảo hộ quyền SHTT và không thể tách rời các quy định về bảo vệ dữ liệu, quyền con người, an toàn thông tin, đạo đức công nghệ và trách nhiệm của các chủ thể phát triển AI. Chỉ khi được xây dựng trong mối liên hệ với toàn bộ hệ thống pháp luật, cơ chế bảo hộ quyền SHTT mới có thể phát huy vai trò thúc đẩy đổi mới sáng tạo đồng thời hạn chế những tác động tiêu cực đối với xã hội.

2.4.2. Việc bảo hộ AI cần được thực hiện theo hướng lấy con người làm trung tâm. Mục tiêu cuối cùng của hệ thống SHTT không phải là tạo ra nhiều quyền độc quyền hơn đối với công nghệ mà là khuyến khích sự sáng tạo nhằm phục vụ lợi ích của con người và sự phát triển bền vững của xã hội. Do đó, trong quá trình xây dựng chính sách, cần bảo đảm rằng AI luôn được nhìn nhận là phương tiện hỗ trợ con người, không phải là yếu tố thay thế vai trò trung tâm của con người trong các hoạt động sáng tạo, giáo dục, văn hóa và đời sống xã hội.

2.4.3. Chính sách bảo hộ quyền SHTT đối với AI cần được thiết kế trên cơ sở cân bằng giữa đổi mới sáng tạo và bảo vệ các giá trị đạo đức truyền thống. Đối với các quốc gia Á Đông, những giá trị như gia đình, tôn sư trọng đạo, nhân nghĩa, sự hài hòa với tự nhiên và tinh thần coi trọng truyền thống không chỉ là đặc trưng văn hóa mà còn là nền tảng bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội. Vì vậy, khi xây dựng hoặc hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến AI, cần đánh giá đầy đủ những tác động xã hội của công nghệ, đặc biệt đối với các lĩnh vực có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành nhân cách và truyền thụ các giá trị văn hóa giữa các thế hệ.

Cuối cùng, cùng với việc hoàn thiện pháp luật, cần tăng cường xây dựng văn hóa sử dụng AI có trách nhiệm thông qua các hoạt động như giáo dục đạo đức số và nâng cao nhận thức về sử dụng AI có trách nhiệm. Nói cách khác, cần đặt con người trở lại vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển AI của mỗi quốc gia.

3. Kết luận

AI đang và sẽ tiếp tục trở thành động lực quan trọng của đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế tri thức, khiến việc xây dựng cơ chế bảo hộ quyền SHTT đối với AI trở thành yêu cầu tất yếu trong quá trình hoàn thiện pháp luật. Tuy nhiên, dưới góc nhìn của đạo đức truyền thống Á Đông, việc bảo hộ AI không nên chỉ được tiếp cận từ phương diện kỹ thuật pháp lý hoặc lợi ích kinh tế mà cần đặt trong mối

quan hệ hài hòa với các giá trị nền tảng của xã hội như gia đình, tôn sư trọng đạo, nhân nghĩa, sự hòa hợp với tự nhiên và tinh thần gìn giữ truyền thống. Theo đó, chính sách bảo hộ quyền SHTT đối với AI cần hướng tới sự cân bằng giữa khuyến khích đổi mới sáng tạo và bảo vệ các giá trị nhân văn, bảo đảm AI luôn là công cụ phục vụ con người và sự phát triển bền vững của xã hội, thay vì trở thành yếu tố làm suy giảm những giá trị đạo đức đã được bồi đắp qua nhiều thế hệ.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Nguyên Hân (2022). *Văn hóa và giá trị của Khổng giáo*. <https://www.hoasen.edu.vn/khxx/van-hoa-gia-tri-hoc-khong-giao/>
- Damien Keown (2025). *Buddhist Ethics: A Very Short Introduction*. Oxford University Press.
- Giang Nguyễn Duy Cẩn dịch và bình chú (2019). *Lão Tử Đạo Đức Kinh*, NXB Trẻ.
- Mai Ngọc Chử (2010). *Các giá trị Đông Á và việc thiết kế chương trình, nội dung giảng dạy Đông phương học*. <https://vnu.edu.vn/cac-gia-tri-dong-a-va-viec-thiet-ke-chuong-trinh-noi-dung-giang-day-dong-phuong-hoc-post1007.html>.
- World Intellectual Property Organization - WIPO (2020). *WIPO Conversation on Intellectual Property (IP) and Artificial Intelligence - Revised Issues Paper*. WIPO/IP/AI/2/GE/20/1 Rev.
-

NGÔN NGỮ BẠO LỰC TRÊN MẠNG XÃ HỘI...

Tiếp theo trang 259

3. Kết luận

Mạng xã hội hiện nay vô cùng phổ biến, vô tình kéo theo tình trạng bạo lực mạng ngày càng tăng cao gây tổn thương thông qua các MXH như Facebook, TikTok... Ngôn ngữ bạo lực trên MXH đang trở thành một trong những nguy cơ đáng lo ngại đối với sức khỏe tâm thần của SV, làm gia tăng đáng kể nguy cơ trầm cảm, lo âu và căng thẳng. Những lời công kích, xúc phạm hay miệt thị trên không gian số có thể dẫn đến lo âu, trầm cảm, căng thẳng tâm lý và suy giảm chất lượng cuộc sống. Những tác động tiêu cực này không diễn ra trực tiếp mà thông qua các cơ chế tâm lý trung gian, đặc biệt là điều chỉnh cảm xúc và lòng tự trọng. Những tổn thương tâm lý ở SV do tác động của những ngôn ngữ bạo lực ngày càng phổ biến và có xu hướng trở nên phức tạp, nguy hiểm. Việc nghiên cứu về ngôn ngữ bạo lực và những tổn thương tâm lý này ở SV Việt Nam hiện nay sẽ góp phần quan trọng để xây dựng môi trường mạng lành mạnh, phát triển năng lực cảm xúc và lòng tự trọng tích cực cho SV nhằm nâng cao sức khỏe tâm thần và khả năng thích ứng trong xã hội số.

Tài liệu tham khảo

- A. G. Philipo et al. (2024). *Cyberbullying Detection: Exploring Datasets, Technologies, and Approaches on Social Media Platforms*. https://www.researchgate.net/publication/382331983_Cyberbullying_Detection_Exploring_Datasets_Technologies_and_Approaches_on_Social_Media_Platforms.
- Chữ Mai Lan, Nguyễn Thị Lan Anh, Trần Thị Huyền (2022). Bạo lực ngôn từ trên mạng xã hội ở Việt Nam - Thực trạng và một số giải pháp hạn chế. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, tháng 02, tr. 39-40, 42.
- Hà Ánh (2023). *69% sinh viên từng là nạn nhân của bạo lực trên mạng*. <https://thanhnien.vn/69-sinh-vien-tung-la-nan-nhan-cua-bao-luc-tren-mang-185230516162921705.htm>, ngày 16/5/2023.
- Linh Phuong Doan, Linh Khanh Le, Tham Thi Nguyen, Thao Thi Phuong Nguyen, Minh Ngoc Vu Le, Giang Thu Vu, Carl A Latkin, Cyrus S H Ho, Roger C M Ho, Melvyn W B Zhang (2022). *Social Media Addiction among Vietnam Youths: Patterns and Correlated Factors*. <https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov>.
- Lê Thị Thu Nguyệt (2025). *Ngày thế giới phòng chống tự sát 2025 - Thay đổi cách nhìn nhận về tự sát*. <https://benhvientamthanhanoi.com/ngay-the-gioi-phong-chong-tu-sat-2025-thay-doi-cach-nhin-nhan-ve-tu-sat/>, ngày 10/9/2025.
- Ngô Anh Huy (2022). *Thực trạng sử dụng và ảnh hưởng của mạng xã hội đối với hành vi và sức khỏe trong sinh viên Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2021*. Khóa luận tốt nghiệp ngành Y đa khoa, Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- OpenDevelopmentVietnam (2019). *Khảo sát UNICEF: Nhiều người trẻ đang là nạn nhân của bắt nạt trực tuyến*. <https://vietnam.open-developmentmekong.net/vi/news/unicef-poll-discloses-many-young-people-being-a-victim-of-online-bullying>.
- Trần Hữu Luyến, Trần Thị Minh Đức, Bùi Thị Hồng Thái (2015). *Mạng xã hội với sinh viên (Sách chuyên khảo)*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Tấn Tới, Nguyễn Hoàng Nhạc, Võ Văn Hải Đăng (2022). *Tình hình sử dụng mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay: Một số vấn đề đặt ra và giải pháp*, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, số 57 tháng 2, tr. 119-128.
- T.T. Prama et al. (2025). *AI Enabled User-Specific Cyberbullying Severity Detection with Explainability*. <https://arxiv.org/abs/2503.10650>.
- World Health Organization (2025). *Mental health of adolescents*. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/adolescent-mental-health>.